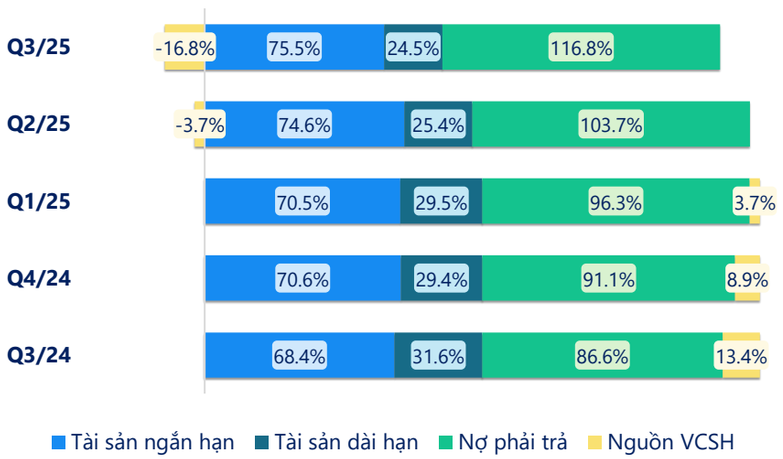
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đua Fat (UPCOM: DFF)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
SL cổ phiếu LH	80,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,078,205
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
P/E	-0.1
EPS	-11,570

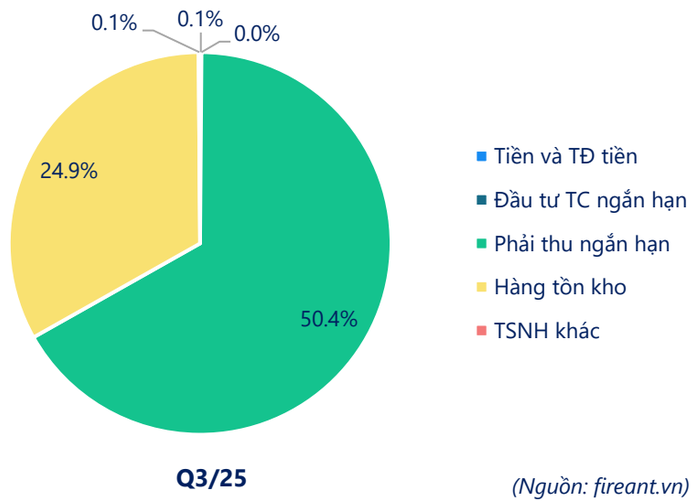
	YTD	1T	3T	6T
DFF	-33.3%	-7.7%	-7.7%	-25.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



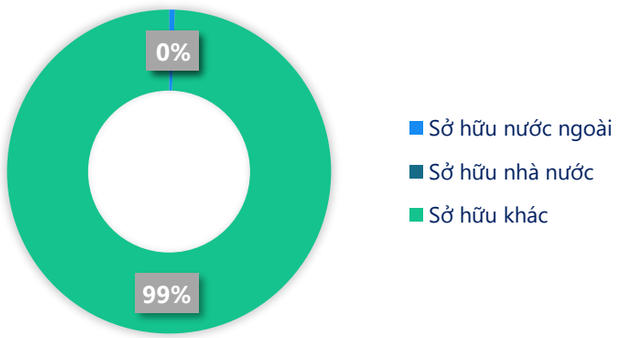
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



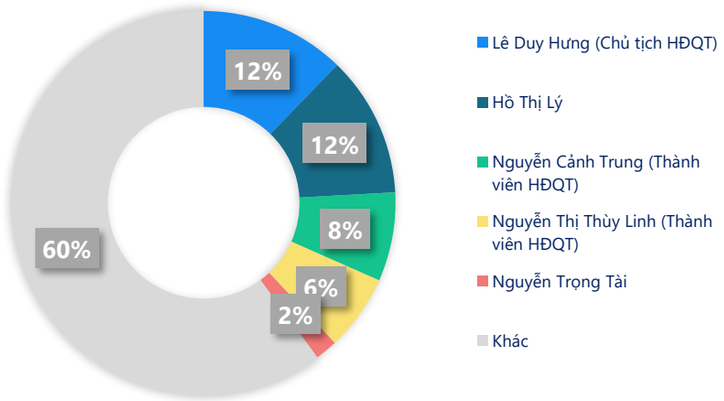
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



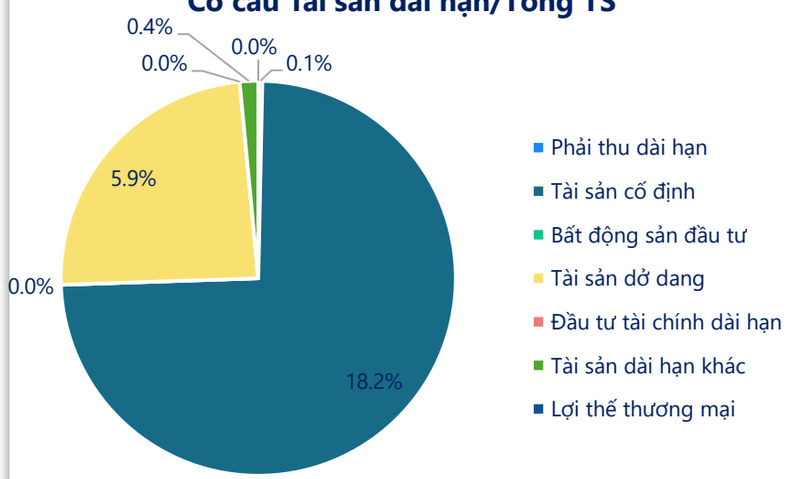
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

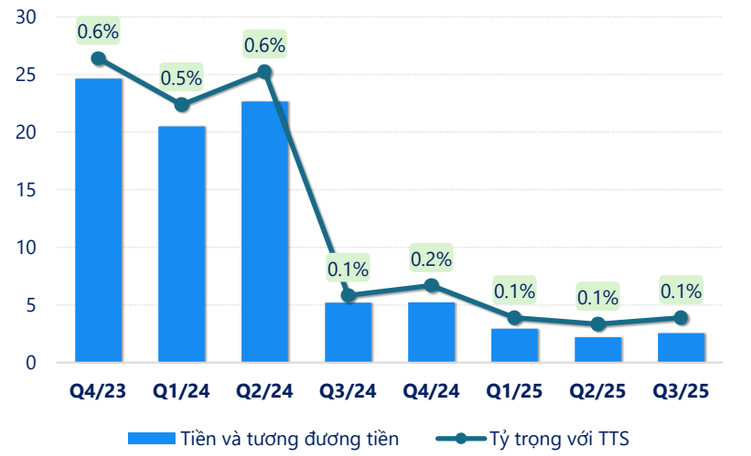


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

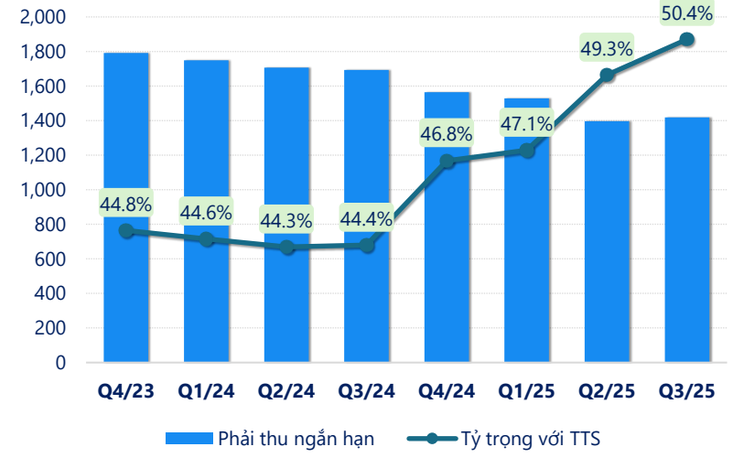
CTCP Tập đoàn Đua Fat (UPCOM: DFF)

Tiền và tương đương tiền



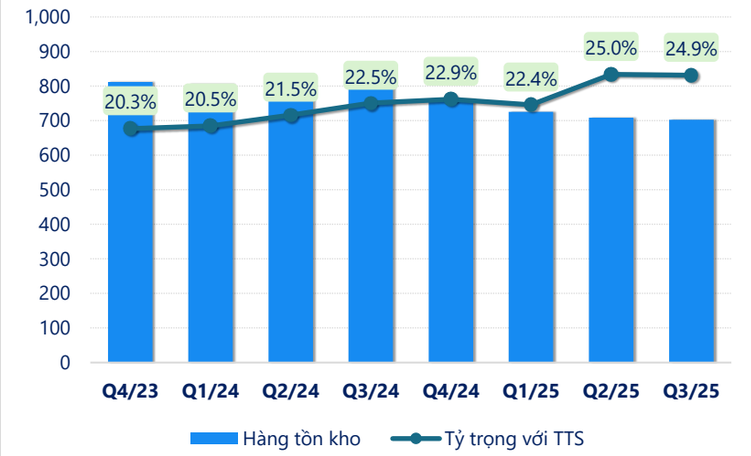
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



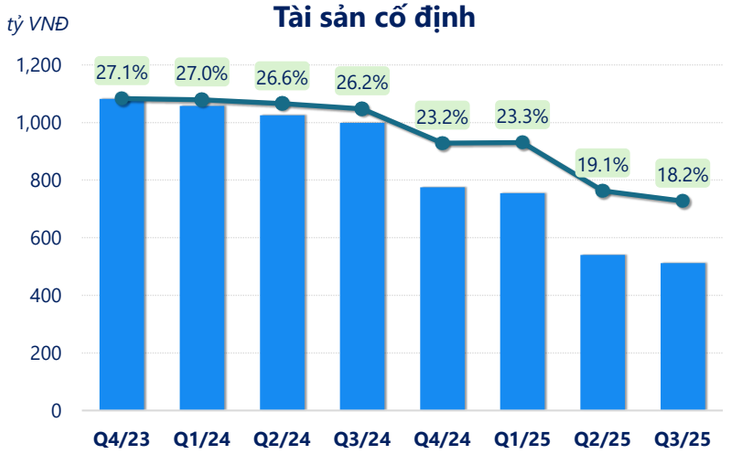
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



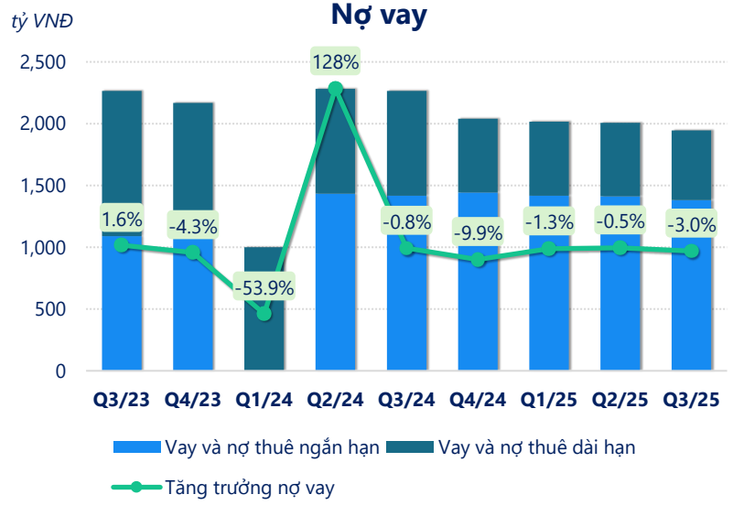
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



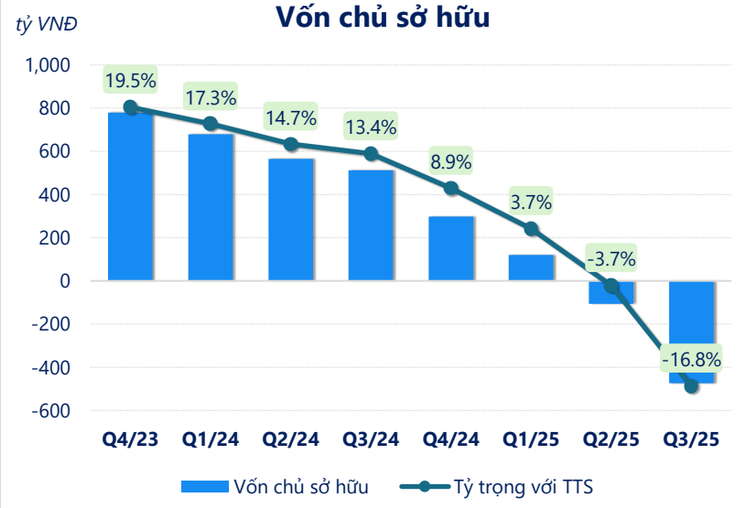
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

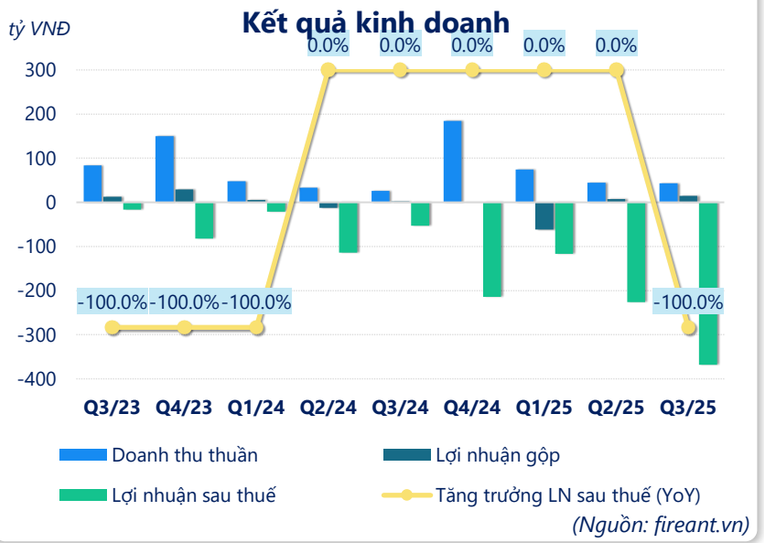
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

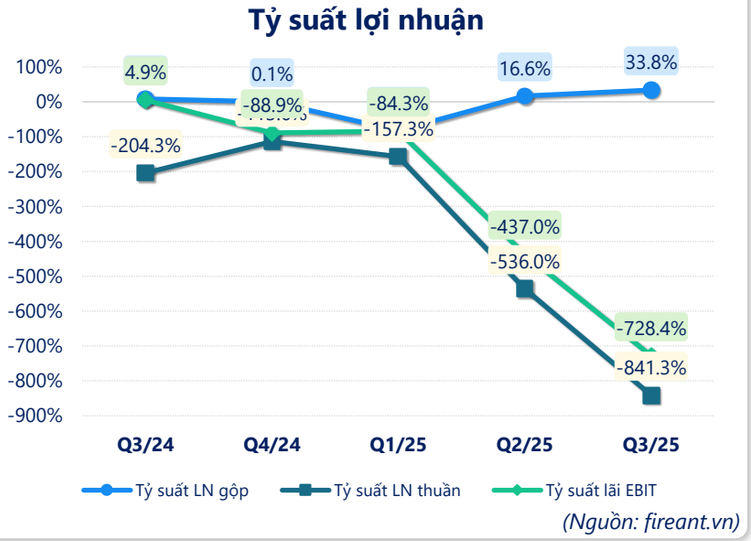
CTCP Tập đoàn Đua Fat (UPCOM: DFF)

Kết quả kinh doanh



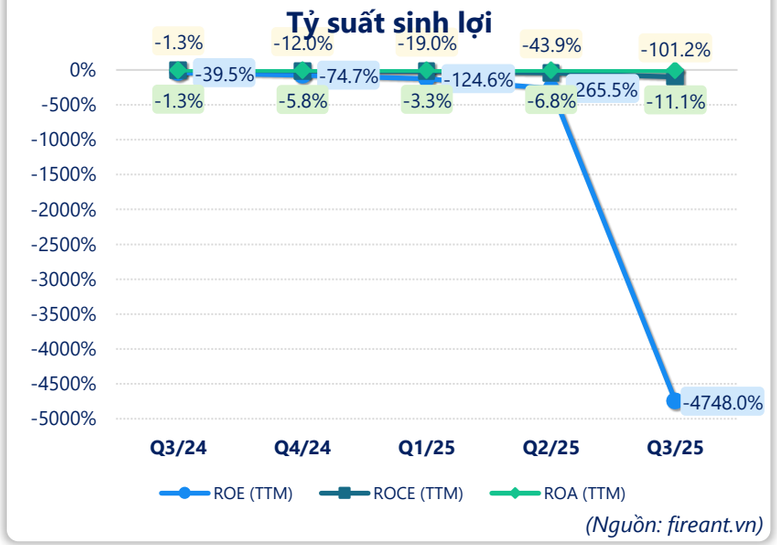
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



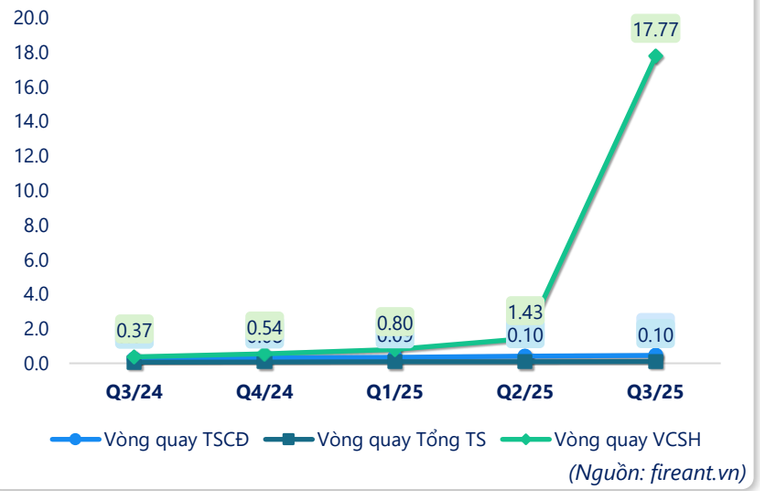
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



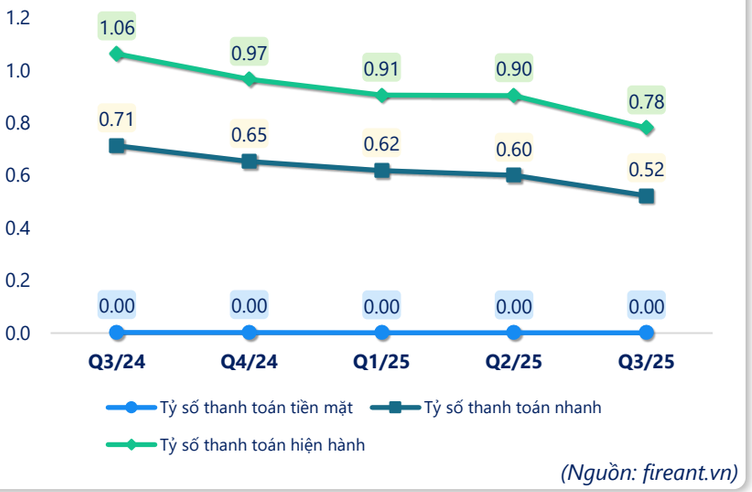
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



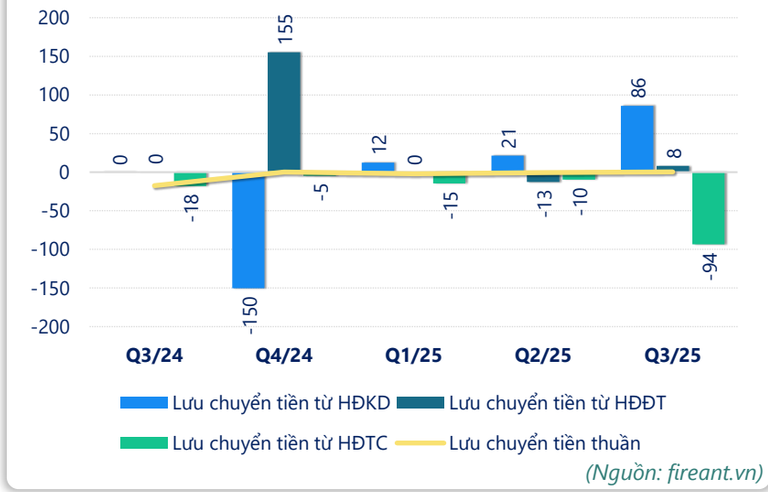
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Đua Fat (UPCOM: DFF)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,816**	**3,291**	**-14.4%**
Tài sản ngắn hạn	2,125	2,311	-8.0%
Tiền và tương đương tiền	2.56	5.21	-50.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,418	1,523	-6.9%
Hàng tồn kho	702	757	-7.3%
Tài sản ngắn hạn khác	2.74	25.6	-89.3%
Tài sản dài hạn	**690**	**980**	**-29.6%**
Phải thu dài hạn	2.29	28.3	-91.9%
Tài sản cố định	512	775	-33.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	166	162	2.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**10.4**	**15.1**	**-31.5%**
Lợi thế thương mại	0.02	0.03	-10.0%
Nợ phải trả	3,289	3,053	7.7%
Nợ ngắn hạn	**2,722**	**2,455**	**10.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,381	1,431	-3.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	296	519	-42.9%
Nợ dài hạn	568	599	-5.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	564	598	-5.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-473**	**238**	**-299%**
Vốn chủ sở hữu	**-473**	**238**	**-299%**
Vốn điều lệ	800	800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	25.8	184	74.5	44.2	43.4
Giá vốn hàng bán	23.7	184	136	36.9	28.7
Lợi nhuận gộp	2.08	0.12	-61.4	7.34	14.7
Doanh thu HĐTC	2.91	0.85	0.00	0.02	0.00
Chi phí TC	54.2	52.9	54.1	243	378
Chi phí lãi vay	54.2	50.3	54.1	33.3	52.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.51	158	1.73	1.66	1.96
LN thuần từ HĐKD	-52.8	-209	-117	-237	-365
Lợi nhuận khác	-0.21	-4.73	0.28	10.5	-3.12
LN trước thuế	-53.0	-214	-117	-226	-368
Lợi nhuận sau thuế	-53.0	-214	-117	-226	-368
LNST của CĐ cty mẹ	-53.0	-214	-117	-226	-368

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.33	-150	12.3	21.4	85.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.41	155	0.00	-12.6	8.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.2	-4.66	-14.6	-9.51	-93.6
Tiền đầu kỳ	22.7	5.20	5.21	2.94	2.21
Lưu chuyển tiền thuần	**-17.5**	**0.01**	**-2.27**	**-0.73**	**0.36**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.20	5.21	2.94	2.21	2.56

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic